

Viên nang mềm Heparos

Tên thuốc: Viên nang mềm Heparos

Thành phần: Mỗi viên nang có chứa 250.0mg L-cystine, 250.0mg Choline bitartrate.

Tá dược: Dầu đậu tương, sáp ong trắng, concentrated glycerin, gelatin, titan oxid, Màu tar.

Dạng bào chế: Viên nang mềm

Quy cách đóng gói: Hộp 12 vi Alu-Alu x 5 viên ; Hộp 12 vi Alu-PVC x 5 viên.

Chỉ định:

- Tăng cường chức năng gan, hỗ trợ điều trị các bệnh lý do rối loạn và suy giảm chức năng gan như sạm da, tàn nhang, chàm, nổi mề đay, viêm nhiễm mụn nhọt trứng cá.
- Hỗ trợ ngăn ngừa rụng tóc, phòng ngừa các bệnh biểu bì làm dễ gãy móng tay, móng chân, tóc.

Liều dùng và cách sử dụng:

2 viên /lần x 2 lần/ngày.

Chống chỉ định:

- Quá mẫn với thành phần thuốc.
- Rối loạn chức năng thận trầm trọng hoặc hôn mê gan.
- Thận trọng khi dùng cho trẻ dưới 6 tuổi.

Thận trọng:

Thận trọng với bệnh nhân bị cystin niệu.
Nên ngừng dùng thuốc khi bệnh về dạ dày, ruột.

Tác dụng phụ:

Thỉnh thoảng nôn, khát nước, đau bụng nhẹ, tiêu chảy.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Tương tác với thuốc khác:

Chưa có dữ liệu đầy đủ cho tương tác thuốc với thuốc khác.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Không gây ảnh hưởng.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Không ảnh hưởng

Đặc tính dược lực học:

Choline: Choline là tiền chất của Betaine, chất thẩm thấu được thận sử dụng để kiểm soát cân bằng nước và điện giải. Choline và chất chuyển hóa của nó cần thiết cho 3 mục đích sinh lý chủ yếu là: toàn vẹn cấu trúc và vai trò truyền tín hiệu qua màng tế bào; tổng hợp acetyl choline; và như là nguồn chính cung cấp nhóm methyl qua các chất chuyển hóa của nó.

L-Cystine: L-Cystine là một amino acid tự nhiên, có chứa gốc -SH, có tác dụng tăng chuyển hóa ở da và có tác dụng khử các gốc tự do.

Đặc tính dược động học:

Choline được hấp thu ở ruột. Một phần được chuyển hóa ở ruột thành trimethylglycine và trimethylamine, sau đó được hấp thu tại ruột. Choline, trimethylamine được chuyển hóa tại gan. Tại gan, choline được chuyển hóa bởi các phản ứng chuyển hóa, trong đó có sự tạo thành CDP-choline, kết hợp diacylglycerol để tạo thành phosphatidylcholine.

Choline qua được hàng rào máu não bởi cơ chế các chất mang đặc biệt. Trong não, choline được chuyển hóa thành acetylcholine bởi enzyme choline acetyltransferase. Cho một phần nhỏ choline được chuyển hóa thành acetylcholine. Ở thận cũng có sự tích lũy choline. Một phần được bài tiết qua nước tiểu chủ yếu dưới dạng chất oxy hóa.

L-cystine: L-cystine hấp thu tích cực từ đường ruột, nồng độ đỉnh huyết tương đạt được từ 1-6 giờ sau khi uống. L-cystine được phân bố chủ yếu ở gan và có ở bề mặt cơ thể sau 5 giờ. Thuốc được chuyển hóa qua gan, thải trừ chủ yếu qua mật, 21% liều L-cystin được thải trừ trong vòng 24 giờ sau khi uống.

Quá liều:

Chưa có dữ liệu cụ thể.

BẢO QUẢN: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Để xa tầm tay trẻ em

SDK: VN-15060-12

Nhà sản xuất: Dongkoo Pharm. Co., Ltd.

901 – 3, Sangsin ri, Hyangnam eup, Hwaseong – si, Gyeonggi – do, Korea